

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày 05 – 7 - 2022

V/v “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở quyền sử dụng đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long;
2. Bà Lương Thị Kim Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2021 về “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 137/2022/TBTA ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần L, bà Lưu Thị H; Cùng địa chỉ: Khối Q, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn T - Sinh năm: 1961; Địa chỉ: Khối Q, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Ngô Thị X, sinh năm: 1963 (có mặt)
- + Ông Trần Văn M1, sinh năm: 1954 (vắng mặt)
- + Ông Trần Văn M, sinh năm: 1968 (có mặt)
- + Bà Trần Thị C, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khối Q, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Trần L và bà Lưu Thị H trình bày:

Gia đình ông, bà có sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 02 diện tích 198m² cấp cho ông Trần L và bà Lưu Thị H với chiều ngang phía trước là 8m, chiều ngang phía sau 10m, chiều dài 22m đã được UBND huyện Điện Bàn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/2003, tứ cận phía Bắc giáp hộ bà Nguyễn Thị Đ, phía Nam giáp hộ bà Nguyễn Thị N, phía Tây giáp đường, phía Đông giáp đất còn. Quá trình sử dụng đất thì có bị thu hồi để mở đường 20m². Từ khi sử dụng cho đến nay không có ai tranh chấp gì cả. Tuy nhiên vào năm 2020 khi ông, bà làm tường rào để phân định ranh giới thì hộ liền kề ông Trần Văn T cản trở, đập phá không cho xây dựng tường rào trên thửa đất của gia đình, ông T không đồng ý thửa đất của gia đình ông L, bà H có chiều ngang phía trước 8m, chiều ngang phía sau 10m mà cho rằng thửa đất của ông L, bà H chỉ có 5m chiều ngang và sử dụng lấn sang đất của gia đình ông T. Ngày 30/6/2020, ông L, bà H đã làm đơn tố cáo hành vi phá hoại tài sản của ông T và đề nghị Ch quyền địa phương xác định ranh giới, đến ngày 09/12/2020 UBND phường Điện Dương đã có Công văn thực hiện cắm mốc cho gia đình ông, bà đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Tuy nhiên ông T không đồng ý với ranh giới đó, thậm chí còn xây hồ nuôi cá lấn sang đất nhà ông L, bà H mà không đưa ra được chứng cứ gì chứng M1 là đất của ông T. Vì vậy, ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc ông Trần Văn T phải tháo dỡ hồ cá xây dựng trên đất của ông L, bà H; chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông L, bà H đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: thôn X, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là Khối Q, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn) mà Nhà nước đã cấp cho ông Trần L và bà Lưu Thị H.

Ngoài ra ông, bà không có ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Mẹ ông bà Nguyễn Thị N được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/1995 đối với thửa đất thửa số 70, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.320m², chiều ngang tiếp giáp mặt tiền đường 44m, chiều sâu 30m. Bà Nguyễn Thị N có chồng là ông Trần G và sinh được 4 người con là Trần Văn M1, Trần Văn T, Trần Thị C và Trần Văn M, ông G và bà N đều đã chết, thửa số 70 chưa làm thủ tục mở thừa kế, thửa đất này đang được anh em ông quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng đất thì thửa đất số 70 có bị thu hồi 1 phần để mở đường, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận sau khi thu hồi là 759m², sau đó gia đình có cho cháu khoảng 1m đất chiều ngang để mở đường đi vào nhà xây dựng trên đất của Nhà nước ở phía sau thửa đất số 70. Theo ông T thì nguồn gốc thửa đất mà vợ chồng ông L, bà H đang sử dụng có nguồn gốc là đất của ông, bà ông để lại, năm 1991 mẹ ông có bán cho ông Lê Văn Xất một phần đất chiều ngang 5m chiều dài 30m, tổng diện tích 150m², với giá 1,5 chỉ vàng để làm xưởng gỗ, khi bán có viết giấy tay thỏa thuận bán. Đến năm khoảng năm 2000, do làm ăn thua lỗ ông Lê Văn X bán lại cho ông Trần L và bà Lưu Thị H thửa đất trên theo đúng như diện tích ban đầu mà ông Lê Văn Xất đã mua của mẹ ông bà Nguyễn Thị N, với giá 03 chỉ vàng. Đối với thửa đất ông T đang sử dụng, M phần đất trong thửa đất của bà N, giáp ranh với đất nhà ông L, bà H là vào năm 1996, ông lập gia đình, mẹ ông cho ông M phần đất, chiều ngang 11m, chiều dài 31,82m² nhưng chưa được tách thửa vì đất nhà ông đang khu quy

hoạch khu du lịch. Khi đó, thấy hoàn cảnh nhà ông L, bà H đông con, khó khăn nên vào năm 2000 ông có cho ông L, bà H mượn M phần đất, chiều ngang 3m, chiều dài 30m tổng diện tích là 90m² đất để nói rộng nhà ở, việc cho mượn không có giấy mượn, chỉ nói bằng miệng vì tin tưởng người thân, họ hàng trong nhà nên không viết giấy tờ gì. Từ khi mượn đến năm 2020 giữa H nhà không có mâu thuẫn gì, đến tháng 4/2020 khi vợ chồng ông Trần L xây dựng hàng rào, thì xây dựng tường trên đất của ông cho mượn nên ông không đồng ý và yêu cầu ông L, bà H phải trả lại 3m đất chiều ngang đã cho mượn trước đây, ông cũng đã đề nghị UBND phường Điện Dương hòa giải nhưng không thành. Nay, ông L, bà H khởi kiện yêu cầu ông phải tháo dỡ hồ cá, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý vì ông cho rằng 3m đất chiều ngang này là của ông. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị X trình bày:

Bà Ngô Thị X (vợ của ông Trần Văn T) cho rằng, nguồn gốc đất hiện nay ông Trần L và bà Lưu Thị H đang sử dụng là của mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị N bán cho ông Lê Văn X rồi ông X bán cho ông L, bà H, phần đất bán có 5m chiều ngang, 30m chiều dài, tổng diện tích 150m². Sau này, do nhà ông L, bà H đông con nên có mượn của nhà bà 3m đất chiều ngang để làm nhà ở vào năm 2003, khi cho mượn đất bà có nói sau này nếu bà cần thì phải trả lại đất cho bà. Bà X không hiểu lý do gì mà nguồn gốc đất mua có 5m ngang nhưng ông Trần L và bà Lưu Thị H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận có chiều ngang phía trước 8m, chiều dài phía sau 10m, bà cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H là sai trái. Theo bà, thửa đất của mẹ chồng bà có chiều ngang mặt tiền là 44m, cho mở đường để có lối ra nhà cháu ở phía sau là khoảng 1m thì còn lại chiều ngang khoảng 43m, thửa đất này anh em nhà chồng đã chia phần rồi nhưng chưa làm thủ tục tách thửa do đất thuộc khu quy hoạch, phần đất vợ chồng bà được chia có chiều ngang mặt tiền là 11m, nay bà đề nghị lấy đủ 11m chiều ngang phía trước, chiều dài phía sau 17m, còn lại thì vợ chồng ông L, bà H tự tính. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H buộc vợ chồng bà phải tháo dỡ hồ cá, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì bà không đồng ý. Ngoài ra bà X không có ý kiến gì thêm.

Tại các biên bản lấy lời kH ngày 25/02/2022 những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1, bà Trần Thị C, ông Trần Văn M và lời khai tại phiên tòa của M trình bày:

Ông, bà thống nhất với lời khai của ông Trần Văn T là thửa đất số 70, tờ bản đồ số 02 tại khối Quảng Gia, phường Điện Dương là cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N, mẹ ruột của các ông, bà. Hiện nay cha, mẹ của các ông, bà đều đã mất, thửa đất trên do 4 anh em đang quản lý, sử dụng và đã thỏa thuận phân chia xong nhưng chưa làm thủ tục tách thửa để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người. Phần đất mà ông T được chia nằm giáp ranh với đất ông L, bà H có chiều ngang mặt tiền đường 11m. Theo các ông, bà được biết nguyên thủy thửa đất của ông L, bà H sử dụng là đất của bà Nguyễn Thị N, năm 1991 bà N có chuyển nhượng cho ông Lê Văn X chiều ngang 5m, chiều dài 30m, tổng cộng 150m². Đến khoảng năm 2000 ông X chuyển nhượng lại cho ông L, bà H. Khi ông L, bà H làm nhà có xin ông T 3m đất, Ch ông M là người đã nói giúp để vợ chồng ông T cho mượn đất. Tuy nhiên, khi cấp giấy chứng nhận thì ông L, bà H được

cấp đất với chiều ngang mặt tiền 8m, chiều ngang phía sau 10m, dài 22m là không đúng với diện tích mà mẹ các ông, bà đã bán cho ông Xất trước đây. Nay ông L và bà H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không đúng, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Các ông, bà Trần Văn M1, bà Trần Thị C, ông Trần Văn M không có ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần L, bà Lưu Thị H buộc ông Trần Văn T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông L, bà H đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 02 tại thôn 5, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp nguyên đơn khởi kiện phát sinh từ việc tranh chấp về hành vi quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”. Đây là loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đối tượng tranh chấp là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 3 tại thôn X, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn (nay là khối Q, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn), vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ông Trần T và bà Lưu Thị H được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 568036 ngày 03/01/2003 với diện tích 198m² thửa đất số 50, tờ bản đồ số 02, quá trình sử dụng đất có bị thu hồi 20m² để mở đường, nên còn diện tích còn 178m². Theo ông, bà thì vào năm 2020 khi thực hiện quyền của người sử dụng là xây dựng tường rào ranh giới giữa 02 nhà thì ông Trần Văn T con bà Nguyễn Thị N người sử dụng thửa đất liền kề đã có hành vi cản trở không cho xây dựng và xây hồ cá lấn sang đất của ông L, bà H. Vì vậy, ông L, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông Trần Văn T phải tháo dỡ hồ cá, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 02 đã cấp cho ông Trần L, bà Lưu Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng thửa đất của nguyên đơn đang sử dụng:

Theo các đương sự trình bày, qua tài liệu chứng cứ sổ đăng ký ruộng đất và bản đồ 299 thì thửa đất số 50 nguyên đơn đang sử dụng có nguồn gốc là thửa số 63 tờ bản đồ số 02 do ông Trần G chồng của bà Nguyễn Thị N kê khai đăng ký, có diện tích 1.800m². Quá trình sử dụng đất bà N có chuyển nhượng cho ông Lê Văn X, việc chuyển

nhượng này theo bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là các con bà N khai thì chỉ chuyển nhượng 5m chiều ngang, 30m chiều dài, tổng cộng 150m² nhưng nguyên đơn và người chuyển nhượng ông X thì cho rằng khi chuyển nhượng các bên không xác định được diện tích chuyển nhượng đất là bao nhiêu m², khi nhận đất chuyển nhượng 02 bên chỉ đến chỉ mốc giới rồi bàn giao đất. Tuy nhiên, theo thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì khi kê KH đăng ký theo Nghị định 64/CP bà Nguyễn Thị N chỉ kê khai đăng ký sử dụng 1.320m², bản đồ Nghị định 64/CP và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N cũng thể hiện thửa đất số 70, tờ bản đồ số 2 là 1.320m². Điều này chứng tỏ có việc chuyển nhượng đất từ gia đình bà N sang cho ông Xất nên khi kê KH lại bà N đã tự nguyện khai giảm diện tích sử dụng đất của mình từ 1.800m² Xống còn 1.320m² và không thực hiện việc đăng ký kê khai đối với thửa đất đã chuyển nhượng cho ông X. Do đó, các con của bà N khai chỉ chuyển nhượng 150m² đất là không hợp lý so với con số chênh lệch khi kê khai giảm 480m² (1.800m²– 1.320m²).

Đối với thửa đất cấp cho ông Trần L, bà Lưu Thị H đang sử dụng là do bà N không kê khai, đăng ký đối với phần đất này nên theo bản đồ Nghị định 64/CP thể hiện thửa đất này là thửa số 50 diện tích 320m² tên chủ sử dụng đất là UBND xã, ông L, bà H sinh sống trên thửa đất này ổn định, UBND xã xem xét đủ điều kiện nên được Hội đồng đăng ký đất của xã Điện Dương xét duyệt cấp đất và được UBND huyện Điện Bàn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 953/QĐ-UB ngày 30/12/2003 công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần L, bà Lưu Thị H là 198m² (diện tích giảm từ 320m² còn 198m² do có trừ hành lang giao thông) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 568036 do Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn cấp ngày 30/12/2003 có kèm theo bản đồ thể hiện tứ cận thửa đất là chiều ngang mặt tiền 8m, chiều ngang mặt sau 10m, chiều dài thửa đất 22m. Việc UBND huyện Điện Bàn cấp đất cho ông Trần L và bà Lưu Thị H là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét về hiện trạng, kết quả đo đạc thực tế của các thửa đất so với diện tích theo giấy chứng nhận được cấp:

Qua đo đạc thực tế nguyên đơn đang sử dụng diện tích đất 243.0m², tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã thu hồi là 65m², bị đơn sử dụng đất thực tế là 1367,6m² tăng so với giấy chứng nhận sau khi đã thu hồi là 608,6m². Vậy đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và sau khi thu hồi thì cả 2 đương sự đều sử dụng diện tích đất nhiều hơn so với giấy chứng nhận được cấp. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng đất của hộ bà Nguyễn Thị N thiếu là không có căn cứ.

[2.3] Xét về hành vi cản trở của ông Trần Văn T: Ông Trần Văn T nêu lý do cản trở quyền sử dụng đất của ông L, bà H là vì ông cho rằng gia đình ông có cho ông L, bà H mượn 3m đất để làm nhà và đất của bà Nguyễn Thị N để lại có chiều dài cạnh mặt tiền là 44m nhưng hiện nay không đủ 44m. Trường hợp này xét thấy: Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất bị đơn KH cho nguyên đơn mượn đã được ông L, bà H xây dựng làm nhà kiên cố từ hơn 20 năm trước, ông T cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì chứng M1 là đã cho ông L, bà H mượn 3m đất chiều ngang, nên không có cơ sở để xem xét. Về ý kiến cho rằng chiều dài của thửa đất hộ bà N là 44m thì xét về tứ cận 02 thửa đất: Đối với thửa đất của bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cấp ngày 10/8/1995 không kèm theo bản vẽ, không thể hiện tứ cận, các tài liệu chứng cứ thu thập được theo đăng ký kê khai ban đầu cũng không thể hiện tứ cận nên không có cơ sở xác định thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị N có chiều dài cạnh mặt tiền là 44m. Trong khi đó thửa đất của ông L, bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/12/2003 có kèm theo bản đồ thể hiện tứ cận thửa đất có chiều ngang mặt tiền 8m, chiều ngang mặt sau 10m, chiều dài thửa đất 22m nên việc ông T cản trở quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Trần Văn T đã có hành vi cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, theo Điều 12 Luật đất đai thì đây là những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần L, bà Lưu Thị H buộc ông Trần Văn T phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực quyền của người sử dụng đất, quyền về tài sản là phù hợp theo Điều 166 Luật đất đai và Điều 169 Bộ luật dân sự

[3] Về án phí: Ông Trần Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho ông Trần Văn T

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.142.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 169 Bộ luật dân sự; Điều 12, 166 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

- Buộc ông Trần Văn T, bà Ngô Thị X phải tháo dỡ M phần hồ cá diện tích 1,34m² trên phần đất của ông Trần L, bà Lưu Thị H và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Trần L, bà Lưu Thị H đối với thửa đất: số 50, tờ bản đồ số 02 tại thôn X, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, (nay là khối Q, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 568036 do Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 30/12/2003. Tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp thửa ODT 49 hộ bà Nguyễn Thị Đ: 19,6m
- + Phía Nam giáp thửa ODT 70 hộ bà Nguyễn Thị N: 20,6m
- + Phía Tây giáp đường DT 603A: 8m
- + Phía Đông giáp đất còn RST 71: 10m

2. Về án phí: Ông Trần Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Trần L, bà Lưu Thị H không phải chịu án, hoàn trả lại cho ông Trần L, bà Lưu Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng là 0004382 ngày 07/5/2021.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.142.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần L, bà Lưu Thị H đã nộp tạm ứng nên buộc ông Trần Văn T phải trả lại cho ông Trần L, bà Lưu Thị H số tiền 5.142.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công KH.

(kèm theo bản án là trích đo thửa đất số 50, tờ bản đồ số 2 cấp cho ông Trần L, bà Lưu Thị H)

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Điện Bàn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn;
- Thi hành án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân

